



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 16/02/2026 (Thứ Hai)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
3.5	23:49	03:00	↙
0.8	07:21	11:00	↗
3.6	14:36	18:00	↙
2.7	19:48	23:15	↗
3.6	00:36	04:00	↙

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Duyệt	STARSHIP MERCURY	8.2	197	27,997	P/s3 - CL4-5	07:00		
2	Hà	SITC HAODE	9.5	172	19,011	P/s3 - CL4	06:00		
3	N.Tuấn	YM HARMONY	6.9	169	15,167	P/s1 - CL1	06:30	ttx	
4	P.Hung - Duy	EVER BRAVE	8.9	211	32,691	P/s3 - CL3	07:00	//1000-MP	
5	V.Hải	SKY RAINBOW	7.8	173	17,944	P/s1 - TCHP	08:00	MP; SR, ttx	
6	Nghị	CEBU	7	172	18,491	P/s3 - BNPH	13:00		
7	T.Cần	LIAN HE CAI FU	4.3	115	4,394	H25 - TCHP	13:00	MP; SR	
8	M.Hải	SAWASDEE INCHEON	9.1	172	18,051	P/s3 - CL7	13:30	//1630	
9	T.Tùng	INFINITY	9.4	172	17,119	P/s3 - CL1	14:00	//1630	
10	P.Tuấn - Quyết	KOTA GAYA	9.8	223	29,015	P/s3 - CL5	14:00		
11	Khái - Đức	NYK PAULA	9.9	210	27,051	P/s3 - BP7	00:30	Cano DL	

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	P.Thùy	WAN HAI 372	12.5	204	30,676	CM2 - P/s3	01:00		
2	H.Trường - Đ.Toàn	NYK VESTA	11.9	339	97,825	P/s3 - CM1	06:00	MP-VTX	
3	Đ.Minh	NEW SUN GREEN 03	4	100	3,985	CM4 - P/s2	09:00		
4	Đức	ACX CRYSTAL	10	223	29,060	CM4 - P/s3	13:00	MT-VTX	
5	K.Toàn - Khái	COSCO KAOHSIUNG	10	349	116,739	P/s3 - CM4	13:00	MT-VTX	
6	B.Long - Th.Hùng	YM TRILLION	12.8	334	118,524	CM3 - P/s3	14:00	MP	
7	P.Thùy - M.Tùng	NYK RUMINA	10	295	55,487	P/s3 - CM3	14:00	MP-VTX	

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Uy	HMM HARMONY	9.5	172	18,812	CL7 - P/s2	01:00	ttx	
2	M.Tùng	WAN HAI 285	10	175	20,924	CL1 - P/s3	02:00		
3	P.Tuấn	SINAR SANUR	9.5	172	19,944	CL4 - P/s2	00:30	ttx	
4	Thịnh - Vinh	ARCHER	9.7	223	27,779	CL4-5 - P/s3	10:30		

5	T.Tùng	YONG SHENG 98	7.2	122	7,921	TCHP - P/s2	00:30	SR, ttx	
6	A.Tuấn	JOSCO SHINE	8.8	172	18,885	TCHP - P/s2	04:30	SR, ttx	
7	Q.Hùng	NINGBO VOYAGER	10.3	186	29,764	CL3 - P/s3	11:00		
8	V.Dũng	CATLAI EXPRESS	9.5	172	18,848	BNPH - P/s3	12:30		
9	Đ.Chiến	CNC PUMA	9.5	186	31,999	CL5 - P/s3	17:00	Cano DL	
10	Phú	KMTC SINGAPORE	8	172	16,659	CL7 - P/s3	16:30		
11	Trung	YM HARMONY	9	169	15,167	CL1 - P/s3	17:00		
12	Hà	STARSHIP MERCURY	8.4	197	27,997	CL4-5 - P/s3	05:30		
13	N.Tuấn	INFINITY	8	172	17,119	CL1 - P/s3	02:00		
14	Chính	LIAN HE CAI FU	4.3	115	4,394	P/s2 - H25	23:30	SR; ttx	
15	Nghị	SKY RAINBOW	9.5	173	17,944	P/s2 - H25	23:30	ttx	01-12



TAN CANG PILOT

PILOTING TO SUCCESS